TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 71/2026/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 74/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1988

Bị đơn: Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1984

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Phạm Bảo K, sinh ngày 11/02/2011
- Cháu Phạm Khánh A, sinh ngày 02/04/2016
- Cháu Phạm Bảo Kh, sinh ngày 24/8/2019

Người đại diện hợp pháp cho cháu K, A và Kh là anh Phạm Quốc V và chị Đào Thị T - bố, mẹ đẻ.

Đều có địa chỉ: Thôn DP, xã TL, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị T và anh Phạm Quốc V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Phạm Quốc V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Phạm Bảo K, sinh ngày 11/02/2011, Phạm Khánh A, sinh ngày 02/04/2016 và Phạm Bảo Kh, sinh ngày 24/8/2019. Ly hôn anh chị thỏa thuận, chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K, cháu A; anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Kh cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị T đối với

cháu K, cháu A là 5.000.000 đồng/tháng/cháu (hai cháu là 10.000.000đ/tháng), kể từ tháng 04 năm 2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh V. Chị T và anh V được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Trường hợp chị Đào Thị T có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Phạm Quốc V không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị T, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đào Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000547 ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND khu vực 1 – Hưng Yên
- Phòng THADS khu vực 1 – Hưng Yên
- UBND xã TL
(GCNKH số 62 ngày 18/11/2009)
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang